

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2020/HSST**
Ngày: 19/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Đôn

2. Bà Lò Thị Dĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2020/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Cà Văn H** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/9/1998 tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Cụm Lọng H1, xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; con ông Cà Văn Th, sinh năm 1976 và bà Lò Thị X, sinh năm 1980. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Cà Văn H bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lò Văn N** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/5/1998 tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản Hồng L, phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; con ông Lò Văn Tr (đã chết) và bà Lò Thị T, sinh năm 1975; có vợ: Lương Thị Th1, sinh năm 2001 và có 01 con, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lò Văn N bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Lò Xuân Th2, sinh năm 1990; địa chỉ: SN A, tổ dân phố XY, phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Thành Tr1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Nam Th3, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Chị Lò Thị S, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản Hồng L, phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Chị Lò Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Bản Hồng L, phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Chị Lò Thị X, sinh năm 1980; địa chỉ: Cụm Lọng H1, xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Anh Th2, chị S, chị T, chị X có mặt tại phiên tòa; anh Tr1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Cà Văn H do có thời gian làm thuê cho xưởng cơ khí của anh Lò Xuân Th2 ở tổ dân phố 01, phường Noong B, thành phố Điện Biên P. Ngày 05/4/2020, H biết anh Th đi làm xa, xưởng không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H dùng điện thoại Realme 5 nhắn tin rủ Lò Văn N, địa chỉ bản Hồng L, phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên phá khóa cửa xưởng để trộm cắp, N đồng ý. Khoảng 12 giờ ngày 09/4/2020, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-835.30 đến nhà N, N lấy chìa khóa của chị Lò Thị S có địa chỉ tại bản Hồng L, phường Noong B, thành phố Điện Biên P từ trước và 01 sợi dây chun màu đen cùng H đến xưởng của anh Th. Đến nơi, quan sát xung quanh thấy không có người, H và N dùng chìa khóa mở cửa vào trong xưởng. Cả hai cùng kéo chiếc máy phát điện màu đỏ để dưới góc nền bên trái theo hướng từ ngoài vào, rồi nhấc máy để lên yên xe mô tô và dùng dây chun buộc lại. N điều khiển xe chở H và máy phát điện về nhà N cất giấu. Khi về nhà, N dùng 01 chiếc kéo tháo bình ắc quy của máy nổ phát điện để sử dụng nhưng do bình bị hỏng, N đã vứt đi. Ngày 15/4/2020, H và N bán máy phát điện cho anh Đỗ Thành Tr1 tại tổ dân phố B, phường Nam Th3, thành phố Điện Biên P được 4.500.000 đồng. Khi bán máy, H và N không nói cho anh Tr1 biết nguồn gốc tài sản. H chia cho N 400.000 đồng, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Vật chứng thu giữ: 01 máy phát điện; 01 ổ khóa Việt Tiệp bị hỏng; 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 27B1-835.30; 01 chiếc điện thoại Realme 5 kèm sim; 01 chiếc chìa khóa; 01 cái kéo và 01 sợi dây chun.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/QĐ ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

1. 01 máy nổ phát điện màu: đỏ, cam, đen trên thân lồng máy có dập chữ và số chìm W150515475; máy cũ đã qua sử dụng; máy không có bình ắc quy giá trị còn lại là 5.600.000 đồng;

2. 01 ắc quy màu xanh; dài khoảng 20 cm; rộng khoảng 05 cm; cao khoảng 20 cm có giá trị còn lại là 544.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Th2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường; anh Tr1 yêu cầu các bị cáo phải trả 4.500.000 đồng mà anh đã bỏ ra mua máy phát điện.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 máy phát điện cho anh Lò Xuân Th2; 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 27B1-835.30; 01 chiếc điện thoại Realme 5 kèm sim cho chị Lò Thị X; 01 chiếc kim cộng lực cho chị Lò Thị S là chủ sở hữu của số tài sản trên.

Cáo trạng số 61/CT-VKSTPĐBP ngày 13/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Cà Văn H và Lò Văn N về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Cà Văn H và Lò Văn N về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cà Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc khóa Việt Tiệp, 01 chiếc kéo, 01 sợi dây chun là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 127, 131 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của anh Tr1, cụ thể: Buộc bị cáo Cà Văn H và Lò Văn N có nghĩa vụ trả số tiền 4.500.000 đồng cho anh Đỗ Thành Tr1.

Án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cà Văn H và Lò Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố là đúng; không có lời bào chữa cho hành vi phạm tội của bản thân đã gây ra; không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại anh Lò Xuân Th2 không yêu cầu về bồi thường dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thành Tr1 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 4.500.000 đồng.

Chị Lò Thị X, Lò Thị S, Lò Thị T không yêu cầu về bồi thường dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo H và N phù hợp với lời khai và các bản cung của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản; biên bản làm việc, sơ đồ, bản ảnh chỉ vị trí trộm cắp tài sản, vì vậy đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 09/4/2020, tại tổ dân phố 01, phường Noong B, thành phố Điện Biên P. Cà Văn H và Lò Văn N đã cùng nhau lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 máy phát điện của anh Lò Xuân Th2 có tổng trị giá 6.144.000 đồng.

Hành vi của Cà Văn H và Lò Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy khẳng định, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, vì mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà Cà Văn H và Lò Văn N đã cùng nhau lợi dụng sơ hở, lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên không có tổ chức. Bị cáo H

là người khởi xướng, rủ N cùng thực hiện hành vi phạm tội, hưởng lợi nhiều hơn nên có vai trò chính trong vụ án; N là người chuẩn bị công cụ phạm tội, cùng H trộm cắp và mang tài sản đi bán là người thực hành tích cực trong vụ án.

Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích, nhân định nêu trên, để tạo điều kiện cho các bị cáo học tập, lao động tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, giao các bị cáo cho UBND nơi cư trú cùng gia đình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo là phù hợp nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biên Phủ trả lại 01 máy phát điện cho anh Th2; 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 27B1-835.30; 01 chiếc điện thoại Realme 5 kèm sim cho chị Lò Thị X; 01 chiếc kim cộng lực cho chị Lò Thị S là chủ sở hữu các tài sản trên vì cả hai không biết việc các bị cáo dùng vào phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc khóa Việt Tiệp, 01 chiếc kéo, 01 sợi dây chun không còn giá trị sử dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lò Xuân Th2 sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh Tr1 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 4.500.000 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 127, 131 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Cà Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Tr1 số tiền 4.100.000 đồng, bị cáo Lò Văn N có nghĩa vụ trả cho anh Tr1 số tiền 400.000 đồng.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Cà Văn H, Lò Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các bị cáo Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 127, 131 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Cà Văn H và Lò Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Cà Văn H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/4/2020 đến ngày 19/8/2020 (Quy đổi 03 tháng 27 ngày tạm giam bằng 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo

còn phải tiếp tục thi hành 03 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Thanh M, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/4/2020 đến ngày 19/8/2020 (Quy đổi 03 tháng 27 ngày tạm giam bằng 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải tiếp tục thi hành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND phường Noong B, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Cà Văn H và Lò Văn N nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Lò Xuân Th2 không yêu cầu bồi thường dân sự;
- Buộc bị cáo Cà Văn H có nghĩa vụ trả lại anh Đỗ Thành Tr1 số tiền 4.100.000 đồng, bị cáo Lò Văn N có nghĩa vụ trả lại anh Đỗ Thành Tr1 số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc khóa Việt Tiệp, 01 chiếc kéo, 01 sợi dây chun. Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2020.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Cà Văn H, Lò Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CATP ĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên ;
- VKSND thành phố Điện Biên P;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ;
- Chi cục THADS thành phố Điện Biên P;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bị hại;
- HSTHA hình sự;
- UBND phường Noong B;
- UBND xã Thanh M;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đ